

Bản án số: 17/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 03 - 8 - 2022

V/v: “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Giang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hoi

Ông Nguyễn Văn Hải

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Minh Hải - Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 03 tháng 8 năm 2022, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 26/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2022 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Diệu L, sinh năm 1995

Nơi ĐKKHKT: Xóm Q, xã X, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

Nơi ở hiện nay: Xóm S, xã Q, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt tại phiên tòa)

Bị đơn: Anh Dương Đình S, sinh năm 1995

Địa chỉ: Xóm Q, xã X, huyện P,, tỉnh Thái Nguyên.

(Vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa các đương sự trình bày như sau:

Nguyên đơn chị Trần Thị Diệu L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị với anh Dương Đình S tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện P, tỉnh Thái Nguyên ngày 04/8/2021. Vợ chồng được gia đình hai bên tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc, lừa dối gì. Ngay sau kết hôn vợ chồng đã nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai bên bắt đầu quan điểm sống về tất cả các vấn đề trong cuộc sống từ kinh tế cho đến các mối quan hệ xã hội. Cuối năm 2021 anh S đi làm còn có tình cảm với người cũ khiến mối quan hệ vợ chồng càng căng thẳng hơn. Chị đã dọn ra ở riêng từ tháng 9 năm 2021 (âm lịch) và đến tháng 02 năm 2022 đến nay chị về nhà ngoại ở, vợ chồng ly thân nhau. Hai vợ chồng cũng đã từng ngồi lại để mong muốn tìm được tiếng nói chung hóa giải mâu thuẫn nhưng không được.

Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Tại phiên tòa chị vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn với anh Dương Đình S, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị L xác định vợ chồng không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Dương Đình S trong quá trình giải quyết vụ án trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh thừa nhận chị L trình bày về thời gian và điều kiện kết hôn là đúng. Hai bên đăng ký kết hôn tự nguyện, không ai bị ép buộc, lừa dối. Vào tháng 8 năm 2021 vợ chồng đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X. Vợ chồng chung sống được thời gian ngắn thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vào thời gian tháng 9 năm 2021 đi làm ăn xa anh có gặp lại người cũ nên vợ chồng lục đục, mâu thuẫn. Nay anh xác định vẫn còn tình cảm với vợ nên anh không nhất trí ly hôn.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh S xác định vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải tạo điều kiện cho các đương sự về thời gian để suy nghĩ, tìm biện pháp giải quyết mâu thuẫn vợ chồng, với mục đích đoàn tụ gia đình, cùng nhau xây dựng hạnh phúc. Tuy nhiên chị L vẫn giữ nguyên quan điểm và yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Vì vậy, Tòa án phải quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn anh Dương Đình S cư trú tại: Xóm Q, xã X, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, bị đơn anh Dương Đình S vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử thấy rằng: Tòa án đã tổng đạt, niêm yết hợp lệ các thủ tục phiên tòa đối với bị đơn anh Dương Đình S nhưng anh S vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Dương Đình S.

[2] Về nội dung:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Diệu L và anh Dương Đình S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo luật định nên được thừa nhận là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Theo chị L lý do chị xin ly hôn với anh S là do hai vợ chồng bất đồng về quan điểm sống trong tất cả các vấn đề của cuộc sống. Cuối năm 2021 anh S đi làm ăn xa nhà còn có tình cảm với người cũ, dẫn đến vợ chồng không tin tưởng rồi cãi vã nhau. Trong thời gian mâu thuẫn, vợ chồng đã ngồi lại cùng nhau để mong hóa giải những mâu thuẫn đó nhưng không thành. Vợ chồng đã ly thân nhau từ tháng 02 năm 2022 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa chị L vẫn kiên quyết xin ly hôn anh S. Trong quá trình giải quyết anh S mong muốn vợ chồng đoàn tụ vì anh vẫn còn tình cảm với chị L. Hội đồng xét xử xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh S đã diễn ra trong một thời gian dài, không hòa hợp hàn gắn được, đến nay tình cảm vợ chồng không còn. Tòa án đã tiến hành hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ nhưng không thành. Quá trình giải quyết anh S cũng thừa nhận những mâu thuẫn vợ chồng là do anh vào thời gian tháng 9 năm 2021 đi làm ăn đã để vợ ở nhà một mình, thời gian đó anh lại có tình cảm với người cũ nên mâu thuẫn giữa hai vợ chồng càng trầm trọng. Vì vậy, quan hệ hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không

thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị L là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận cho chị L được ly hôn với anh S là phù hợp với thực tế và đúng quy định pháp luật.

2.2. *Về con chung*: Không có.

2.3. *Về tài sản chung, công nợ chung*: Chị L, anh S đều xác định không có và không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

2.4. *Về án phí ly hôn sơ thẩm*: Nguyên đơn chị Trần Thị Diệu L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước theo quy định pháp luật.

[3] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Các Điều 51, 56, 57, 58 Luật Hôn nhân và gia đình. Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Trần Thị Diệu L, cho chị Trần Thị Diệu L được ly hôn anh Dương Đình S.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung và công nợ chung: Chị Trần Thị Diệu L và anh Dương Đình S đều xác định không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Chị Trần Thị Diệu L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nộp vào ngân sách Nhà nước, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0002722 ngày 11 tháng 02 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

5. Thông báo quyền kháng cáo: Có mặt nguyên đơn (chị Trần Thị Diệu L), báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Vắng mặt bị đơn (anh Dương Đình S), báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái

Nguyên;

- VKSND huyện P;
- Chi cục T.H.A DS huyện;
- Các đương sự trong vụ án;
- UBND xã X;
- Lưu HS, VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Giang